TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST Ngày: *26-7- 2017* V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Hoài
2. Ông Lâm Cường Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành *không tham gia phiên toà theo văn bản số 02/DS-VKS ngày 24/7/2017*

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lương Thanh T, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn ông Lương Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Thanh T và Nguyễn Thị Thu N chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2007 theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân.Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Anh T trình bày trong quá trình chung sống thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng hay cả vã về vấn đề tình cảm cũng như tiền bạc nhiều lúc anh T chán nản nên có nhậu nhẹt, khi về nhà thì chi N chửi mắng chính đều này mà tình cảm vợ chồng chở nên căng thẳng có lần chi N bỏ nhà đi sau đó lại quay về nhưng sống

được thời gian vợ chồng lại cả vã xung đột làm cho vợ chồng không thể sống được với nhau nên đã ly thân cho đến nay. Nay anh T xác định không còn tình cảm với chi N nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh T yêu cầu được ly hôn chi N.

Về nuôi con chung: Anh T và chi N có 03 chung tên Lương Tuấn K, sinh ngày 26/7/2007, Lương Tuấn H, sinh ngày 27/5/2009 và Lương Tuấn A, sinh ngày 23/12/2010 . Hiện nay các con đang với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con và không yêu cầu chi N phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu tòa giải quyết

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Thu N đến Tòa án làm việc, tham gia phiên hòa giải và cung cấp chứng cứ nhưng chi N vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của chi N

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Chi N vắng mặt đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 72/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2017 nhưng chi N vắng mặt không có lý do

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn anh Lương Thanh T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu N có nơi cư trú tại ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Thu N nhưng do chi N đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng chi N vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lương Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Lương Thanh T và chị Nguyễn Thị Thu N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Khi kết hôn có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình đó là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 8 và điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay anh T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do vấn đề tình cảm và tiền bạc trong gia đình không giải quyết được nên anh T nhậu nhẹt về nhà về nhà thì chi N không chia sẽ mà chửi mắng làm cho tình cảm

vợ chồng căng thẳng, dẫn tới vợ chồng thường cãi vã, xung đột nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, anh T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chi N. Về phía chi N Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho anh T bà Ngọc đoàn tụ nhưng chi N vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh T chi N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục. Do đó yêu cầu của anh T về việc yêu cầu được ly hôn với chi N là chính đáng và cần được chấp nhận.

Về nuôi con chung: Hội đồng xét thấy anh T và chi N có 03 con chung tên Lương Tuấn K, sinh ngày 26/7/2007, Lương Tuấn H, sinh ngày 27/5/2009 và Lương Tuấn A, sinh ngày 23/12/2010. Xét thấy về điều kiện và khả năng nuôi con thì hiện nay anh T có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng thu nhập 10.000.000 đồng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án xác định được hiện nay các cháu K, A, H đều ở cùng anh T và nguyện vọng của các cháu đều muốn sống cùng cha do chi N bỏ đi không quan tâm đến các cháu. Còn đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thu N trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chi N vẫn vắng mặt nên tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của chi N. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh T về nuôi con chung, giao con chung tên Lương Tuấn K, sinh ngày 26/7/2007, Lương Tuấn H, sinh ngày 27/5/2009 và Lương Tuấn A, sinh ngày 23/12/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Anh T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn anh Lương Thanh T phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều Điều 143, Điều 217, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- *Về hôn nhân*: Cho anh Lương Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu N

- *Về nuôi con chung*: Giao 03 con chung tên Lương Tuấn K, sinh ngày 26/7/2007, Lương H, sinh ngày 27/5/2009 và Lương Tuấn A, sinh ngày 23/12/2010 cho anh Lương Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh Lương Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0008576 ngày 16/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Thành **Phạm Xuân Đính** **Ung Thị Ngọc Thanh**